TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 645/2019/HC-PT
Ngày 13 - 9 - 2019
V/v: Khiếu kiện quyết định giải quyết tranh chấp đất đai.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thanh Duyên

Các Thẩm phán: Ông Vũ Ngọc Huynh

Ông Phạm Trung Tuấn

- Thư ký phiên toà: Bà Mai Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Mậu Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 147/2019/TLPT-HC ngày 14 tháng 02 năm 2019 về việc:*"Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"*. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 160/2018/HC-ST ngày 27 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1611/2019/QĐPT-HC ngày 29 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện*: Ông Trịnh Khắc Phi T, sinh năm 1965; (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp Vàm K, xã B, huyện T, tỉnh Long An.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Ông Lê Văn L - Luật sư Văn phòng Luật sư Lê Văn L, Đoàn Luật sư tỉnh Long An. (Có mặt)

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông Phan Văn T, chức vụ: Phó chủ tịch ủy ban nhân dân huyện T. (xin vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Nguyễn Ngọc N, chức vụ: Trưởng phòng Tài nguyên Môi trường huyện T. (xin vắng mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Đoàn Thị N, sinh năm 1942; (xin vắng mặt)

Địa chỉ: số 99/B/KA, Ấp Vàm K, xã B, huyện T, tỉnh Long An.

Địa chỉ: 231, đường số 12, Phường 6, thành phố T, tỉnh Long An (Văn bản ủy quyền ngày 21-9-2018).

- Ông Trịnh Khắc P, sinh năm 1938; (xin vắng mặt)

Địa chỉ: số 99/B/KA, Ấp Vàm K, xã B, huyện T, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, Bản tự khai ngày 28-6-2018 của Ông Trịnh Khắc Phi T và phần trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa như sau: Ông Trịnh Khắc Phi T yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 55/QĐ-UBND ngày 10-01-2018 của Ủy ban nhân dân (UBND) huyện T "về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (QSDĐ) số I 156799 của Ông Trịnh Khắc Phi T, đất tọa lạc tại ấp 4, xã Long Thành"; Quyết định số 56/QĐ-UBND ngày 10-01-2018 của UBND huyện T "về việc thu hồi Quyết đinh số 105/UB/QĐ.94 ngày 18-02-1994 của UBND huyện T".

Người bị kiện có văn bản vắng mặt, theo văn bản trình bày ý kiến số 1597/UBND-NC: Không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trịnh Khắc P, Bà Đoàn Thị N trình bày: Không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Các tình tiết mà các bên đã thống nhất: Nguồn gốc thửa đất số 695, tờ bản đồ số 4 cũ tọa lạc tại xã Long Thành, huyện T do ông T có đơn xin cấp đất khai hoang, đơn xin cấp giấy chứng nhận QSD đất năm 1995, năm 1996 thì được cấp giấy. Trên cơ sở đó, ông T đứng tên sổ mục kê năm 1996 là thửa 56, tờ bản đồ số 12, diện tích 13.047m^2; sổ mục kê năm 2003, năm 2007, tờ bản đồ số 12 gồm các thửa 260, diện tích 4.314,1 m^2, thửa 241, diện tích 4.504,3m^2 và thửa 230, diện tích 1.288m^2.

Các tình tiết mà các bên không thống nhất: ông T cho rằng ông T là người làm đơn xin đất khai hoang, trực tiếp nhận đất, khai hoang và quản lý sử dụng thửa đất số 695 (tạm thời), tờ bản đồ số 4 có từ 1993 đến nay không ai tranh chấp. Người bị kiện và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Trịnh Khắc P, Bà Đoàn Thị N (do ông Châu đại diện) cho rằng, thửa đất này ông P được chính quyền địa phương giao đất và khai hoang từ năm 1994, sau khi khai hoang ông P trồng lúa, đến năm 2006 thì trồng tràm, sau đó cho ông Trương Văn Đ thuê từ 2010 đến nay. Từ khi cho thuê có làm tổng cộng 04 giấy cho thuê do ông P đứng tên cho thuê. Do đó, ngày 18-02-1994, UBND huyện T ra Quyết định số 105/QĐ.94 về việc cấp đất hoang cho Ông Trịnh Khắc Phi T thửa đất số 695 (tạm thời), tờ bản đồ số 4 cũ, diện tích 15.000m^2; ngày 20-12-1996 UBND huyện T, cấp giấy chứng nhận QSDĐ lần đầu thuộc thửa số 56, tờ bản đồ 12 cho ông T là không đúng đối tượng

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 160/2018/HC-ST ngày 27 tháng 11 năm 2018, Toà án nhân dân tỉnh Long An đã quyết định:

Căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính; Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng Điều 106 Luật đất đai năm 2013.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Trịnh Khắc Phi T.

Hủy Quyết định số 55/QĐ-UBND ngày 10-01-2018 của Ủy ban nhân dân huyện T "về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 156799 của Ông Trịnh Khắc Phi T, đất tọa lạc tại ấp 4, xã Long Thành"; hủy Quyết định số 56/QĐ-UBND ngày 10-01-2018 của Ủy ban nhân dân huyện T "về việc thu hồi Quyết định số 105/UB/QĐ.94 ngày 18/02/1994 của Ủy ban nhân dân huyện T".

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm ông Trịnh Khắc P, Bà Đoàn Thị N kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên toà phúc thẩm ông P và bà N có đơn xin xét xử vắng mặt do họ đã già lại bệnh tật không thể đi lại tham gia xét xử được, nên xem như họ vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị giữ nguyên Quyết định số 55/QĐ-UBND (gọi tắc là Quyết định 55) ngày 10/01/2018 của Uỷ ban nhân dân huyện T, tỉnh Long An (UBND huyện T); giữ nguyên Quyết định số 56/QĐ-UB ngày 10/01/2018 của UBND huyện T

Người bảo vệ quyền và lợi ích của người khởi kiện trình bày: Về tố tụng: Sau khi xét xử sơ thẩm Ủy ban huyện T không kháng cáo đồng nghĩa việc chấp nhận việc hủy hai Quyết định 55 và Quyết định 56 của UBND huyện T. Ông cho rằng tòa sơ thẩm không thụ lý giải quyết yêu cầu độc lập của ông P và bà N vì sau khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử mới đưa ra yêu cầu là đúng quy định của pháp luật.

Đối với yêu cầu kháng cáo của ông P và bà N: Toàn bộ hồ sơ cho thấy ông T chính là người đã xin đi khai hoang, có đơn xin cấp đất năm 1994 và được Ủy ban huyện T cấp đất cho ông 1995. Quá trình sử dụng có đăng ký và được UBND xã nơi có đất vào sổ mục kê. Năm 2003 tiếp tục đăng ký. Năm 2007 tiếp tục được UBND xã vào sổ mục kê. Năm 1996 ông T chính thức được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông T chứng minh được ông là người trực tiếp sử dụng đất. Thời điểm được xác nhận là khi vào sổ mục kê. Trong quá trình thụ lý tại sơ thẩm tòa án yêu cầu ông P, bà N chứng minh nhưng ông P, bà N không chứng minh được. Những người làm chứng ông P đưa ra không thể phủ quyết các giấy vào sổ mục kê. Vì vậy, đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông P và bà N, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tham gia phiên tòa phát biểu: Về tố tụng: Chủ tọa phiên tòa và các thành viên hội đồng xét xử, cũng như các đương sự đã tuân thủ đúng quy định pháp luật của luật tố tụng hành chính.

Về nội dung: Xét thấy cần phải hủy án sơ thẩm để làm rõ thêm các chứng cứ không thể bổ sung tại phiên tòa.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm vấn tại phiên toà, qua phần tranh luận, nghe lời phát biểu đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tại phiên toà phúc thẩm hôm nay người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Trịnh Khắc P và Bà Đoàn Thị N kháng cáo đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt có đơn xét xử vắng mặt. Như vậy, vẫn xem như họ giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Do đó, hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 158 Luật tố tụng hành chính xét xử vắng mặt người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

[1.2] Về đối tượng khởi kiện: Việc Toà án cấp sơ thẩm xác định đối tượng khởi kiện trong vụ án này là Quyết định số 55/QĐ-UBND ngày 10/01/2018 UBND huyện T; Quyết định số 56/QĐ-UBND ngày 10/01/2018 của UBND huyện T là đúng quy định tại Điều 30 Luật tố tụng hành chính.

[1.3] Về thẩm quyền: Theo Điều 32 Luật tố tụng hành chính, người khởi kiện khởi kiện vụ án hành chính đối với các Quyết định trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà hành chính Toà án nhân dân tỉnh Long An.

[1.4] Về thời hiệu: Ngày 10/01/2018 UBND huyện T ban hành Quyết định số 55 và Quyết định số 56. Ngày 11/5/2018 ông T nhận được các Quyết định trên. Ngày 28/6/2018 ông T có đơn khởi kiện tại Toà án nhân dân tỉnh Long An yêu cầu huỷ các Quyết định trên. Căn cứ khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính năm 2015 thì yêu cầu khởi kiện của ông T vẫn còn thời hiệu khởi kiện.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về tính hợp pháp của các Quyết định trên.

+ Về hình thức của các Quyết định số 55/QĐ-UBND và Quyết định số 56/QĐ-UBND ngày 10/01/2018 Uỷ ban nhân dân huyện T được ban hành đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

+ Về nội dung của các Quyết định:

Để xem xét tính hợp pháp, tính có căn cứ của Quyết định 56/QĐ-UBND ngày 10/01/2018 UBND huyện T thì cần xem xét Quyết định số 55/QĐ-UBND ngày 10/01/2018 của UBND huyện T về việc thu hồi 13.047m2 đất tại ấp 4, xã Long Thành, huyện T, tỉnh Long An.

[2.2] Xét tính hợp pháp, tính có căn cứ của Quyết định 55/QĐ-UBND ngày 10 tháng 01 năm 2018 của UBND huyện T.

Xét thấy, căn cứ để UBND huyện T ban hành Quyết định số 55/QĐ-UBND là điểm d khoản 2 Điều 106 Luật đất đai năm 2013; điểm b, c khoản 56 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 6/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP. quy định: " … Nhà nước thu hồi đất trong trường hợp sau:

1/….

a….

d/ Giấy chứng nhận đã cấp không đúng thẩm quyền, không đúng đối tượng sử dụng đất…"

Đối chiếu quy định trên, xét thấy ngày 18/02/1994 Ông Trịnh Khắc Phi T được UBND huyện T ban hành Quyết định số 105/UB/QĐ.94 về việc cấp đất hoang thửa đất số 685 (tạm thời) diện tích 15.000 m^2, tờ bản đồ số 4 cũ, đất tại xã Long Thạnh, huyện T, hiện nay xã Long Thành. Nhưng khi được cấp đất đến nay ông T hoàn toàn không có sử dụng phần đất này. Điều này được ông T thừa nhận trong các bản tự khai và tại phiên toà và cũng phù hợp với kết quả Thanh tra thể hiện tại công văn số 401/BC- Ttr. Do đó, việc xã Long Thạnh đề nghị UBND huyện T cấp GCNQSDĐ cho Ông Trịnh Khắc Phi T thửa số 56, diện tích 13.047m^2, mục đích sử dụng là đất lúa, tờ bản đồ số 12, tại xã Long Thạnh (nay là ấp 4, xã Long Thành) diện tích thực tế là 10.106 m^2 vào năm 1996 là không đúng đối tượng sử dụng đất vì đây là đất nông nghiệp và thửa đất trên ông Trịnh Khắc P và Bà Đoàn Thị N sử dụng từ năm 1993 đến nay (theo báo cáo kết quả thanh tra thể hiện tại CV số 401). Do đó, việc UBND huyện T căn cứ vào các quy định của pháp luật cụ thể Luật đất đai năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành trên đã ban hành Quyết định số 55 thu hồi diện tích đất đã cấp cho ông T là có căn cứ đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, kháng cáo của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là có căn cứ chấp nhận. Nên yêu cầu khởi kiện của ông T đề nghị huỷ QĐ số 55 là không có cơ sở chấp nhận.

Do Quyết định số 55 đúng nên kéo theo Quyết định số 56 của UBND huyện T cũng đúng quy định pháp luật.

Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông P và bà N. Sửa bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí phúc thẩm:

Do yêu cầu kháng cáo của ông P và bà N được chấp nhận, sửa bản án sơ thẩm, nên ông Kháng và bà N người không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Do yêu cầu khởi kiện của ông T không được chấp nhận, nên ông T phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trịnh Khắc P và Bà Đoàn Thị N. Sửa bản án sơ thẩm.

Áp dụng Điều 29, Điều 30; Điều 32; Điều 116: Điều 118, Điều 164; Điều 193; Điều 194 Luật tố tụng hành chính năm 2015; Nghị quyết 326/NQTVQH14.

Tuyên xử:

1/ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện Ông Trịnh Khắc Phi T yêu cầu huỷ Quyết định số 55/QĐ-UBND ngày 10/01/2018 của UBND huyện T "về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 156799 của Ông Trịnh Khắc Phi T, đất toạ lạc tại ấp 4, xã Long Thành" và Quyết định số 56/QĐ-UBND ngày 10/01/2018 của UBND huyện T "về việc thu hồi Quyết định số 105/UB/QĐ.94 ngày 18/02/1994 của UBND huyện T".

2/ Về án phí:

Ông Trịnh Khắc Phi T phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm được khấu trừ số tiền tạm ứng án theo biên lai số 0001483 ngày 19/7/2018 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Long An.

Ông Trịnh Khắc P và Bà Đoàn Thị N không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm, được nhận lại tiền tạm ứng án phí kháng cáo theo biên lai thu số 0000192 và số 0000193 ngày 04/12/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Long An.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tỉnh Long An;
- Cục THADS tỉnh Long An;
- Các đương sự;
- Lưu: VP (4), HS (2) 16b (MTTT)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đã ký

Huỳnh Thanh Duyên